

Số: 720 /KCN-TNMT

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2019

V/v triển khai Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019
của Chính phủ

Kính gửi: - Các Công ty đầu tư, xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN;
- Các Doanh nghiệp KCN;

Ban Quản lý các KCN nhận được văn bản số 1530/TNMT-BVMT ngày 17/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v triển khai Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Ban Quản lý các KCN yêu cầu các Công ty đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN và các doanh nghiệp trong KCN căn cứ Nghị định trên và các Nghị định liên quan của Chính phủ để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác Bảo vệ môi trường trên địa bàn các KCN (*nội dung Nghị định được đăng tải trên trang website của Ban Quản lý các KCN và phần mềm quản lý doanh nghiệp*).

Trong quá trình triển khai thực hiện đề nghị lưu ý một số nội dung sau:

I. Một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP

1. Một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường (*khoản 5, Điều 1*).

2. Chủ dự án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước các thời điểm sau đây (*khoản 5, Điều 1*):

- Đối với dự án khai thác khoáng sản, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định đề cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; (*điểm a khoản 5 Điều 1*).

- Đối với dự án đầu tư xây dựng, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước).

Trường hợp dự án có cùng một cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công thì các hồ sơ nêu trên được trình đồng thời để thẩm định theo quy định; (*điểm c khoản 5 Điều 1*).

- Đối với các dự án khác không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, c khoản này, trình trước khi quyết định đầu tư dự án. (*điểm d khoản 5 Điều 1*).

3. Danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung (*Phụ lục II, Mục I*).

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được chủ dự án gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*khoản 5, Điều 1*).

5. Đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (*khoản 11, Điều 1*)

6. Đối tượng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này (*phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường*) được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Việc quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật (*khoản 11, Điều 1*).

7. Quy định về chuyên tiếp (*khoản 13, Điều 1*):

- Các dự án đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành và các dự án, cơ sở đã đi vào vận hành (bao gồm cả các dự án mở rộng quy mô, tăng công suất, thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động) mà chưa có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương, thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án, cơ sở phù hợp về quy hoạch, chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở phải thực hiện như sau:

+ Đối với dự án, cơ sở có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thì phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định;

+ Đối với dự án, cơ sở có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Các dự án, cơ sở, khu công nghiệp đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc các hồ sơ tương đương và có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này, đã đi vào vận hành mà chưa có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương thì được thực hiện như sau:

+ Chủ dự án, cơ sở, khu công nghiệp phải rà soát lại các công trình xử lý chất thải; trường hợp các công trình xử lý chất thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải đó;

+ Bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đối với trường hợp cơ sở, khu công nghiệp

hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 và các trường hợp không thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì không xử phạt đối với hành vi không có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải, phải vận hành thử nghiệm và được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 16b và Điều 17 Nghị định này.

II. Một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP

1. Các đối tượng phải lập/lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường (gọi tắt là phương án) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (*khoản 1, Điều 2*).

2. Thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (*khoản 4, Điều 2*).

3. Tổ chức, cá nhân sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện; lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Trình tự, thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án được thực hiện theo trình tự, thủ tục nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Nội dung quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản bao gồm nội dung xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án (*khoản 6, Điều 2*).

III. Một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015

1. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt (trừ hộ gia đình, cá nhân) chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các đối tượng sau: Cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý và xử lý có chức năng phù hợp; Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Điều 18 Nghị định này; tổ chức thực hiện nhiệm vụ dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao (*khoản 4, Điều 3*).

2. Chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các đối tượng sau (*khoản 4, Điều 3*):

a) Chủ cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt có chức năng phù hợp;

b) Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có hợp đồng với chủ cơ sở tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm a khoản này;

c) Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được chính quyền địa phương giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để chuyển giao cho chủ xử lý theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp phải được xử lý sơ bộ theo điều kiện trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu công nghiệp trước khi đấu nối với hệ thống thu gom để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nối theo quy định.

Điều kiện đấu nối nước thải nêu trong văn bản thỏa thuận giữa chủ cơ sở và chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp phải bảo đảm không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt của khu công nghiệp.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, việc tiếp nhận dự án đầu tư mới vào khu công nghiệp phải phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung; các dự án đầu tư thứ cấp mới trong các khu công nghiệp phải đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung của khu công nghiệp (*khoản 19, Điều 3*).

4. Đối tượng, tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ (*khoản 20, Điều 3*)

a) Các cơ sở, khu công nghiệp và dự án đã đi vào vận hành có quy mô, công suất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống xử lý nước thải hoặc theo khối lượng nước thải đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ tương đương) từ 20 m³/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 03 tháng/lần.

b) Các cơ sở, dự án đã đi vào hoạt động, có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường và có tổng khối lượng nước thải thải ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế hoặc theo khối lượng nước thải đã đăng ký trong kế hoạch bảo vệ môi trường) từ 20 m³/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần.

c) Các cơ sở quy định tại điểm a và điểm b khoản này đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ

tầng khu công nghiệp. Tần suất tối đa không quá tần suất quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Quy định về quan trắc môi trường định kỳ tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 (khoản 39, Điều 3).

IV. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 5)

1. Hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực (trừ các điều, khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 22 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Điều 64 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP) thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của các Nghị định tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ có yêu cầu thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Các báo cáo định kỳ của chủ dự án, cơ sở và khu công nghiệp về: quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quan trắc tự động liên tục, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý phế liệu nhập khẩu, kết quả giám sát và phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện quy định này.

Ban Quản lý các KCN yêu cầu các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị có ý kiến gửi về Ban Quản lý các KCN để được hướng dẫn theo quy định./.

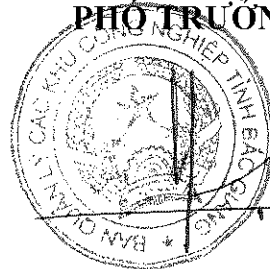
Nơi nhận:

- Lưu: VT, TNMT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng TNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Vũ Thông

